

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Công;
- Bà Trần Ngọc Phương;

Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vương Triều - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 859/2024/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2025/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần P (OCB); Trụ sở chính: Tòa nhà T, số A T, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp: Ông Phan Thanh H, sinh năm 1993; địa chỉ: Lầu B, A T, phường C, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh), có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Vương Bảo T, sinh năm 1998; địa chỉ: Số A, Phan Thanh G, khu phố C, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1987, có mặt.
- Bà Lê Ngọc Minh T2, sinh năm 1987, có mặt.
- Bà Trần Thị Hồng V, sinh năm 1966, có đơn xin giải quyết vắng mặt.
- Cháu Nguyễn Hoài V1, sinh năm 2009,

5. Cháu Nguyễn Hồng Loan C, sinh ngày 08/01/2011.

Người đại diện hợp pháp cho cháu C và cháu V1 là ông Nguyễn Văn T1 và bà Lê Ngọc Minh T2.

Cùng địa chỉ: D Ấp T, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 12/12/2023 Ngân hàng TMCP P và ông Vương Bảo T có ký hợp đồng tín dụng số 0382/2023/HĐTD-OCB-CN, để vay số tiền 2.350.000.000đồng, mục đích vay: Bù đắp tiền mua BĐS, thời hạn vay 300 tháng; lãi suất vay: 10,4%/năm, lãi suất điều chỉnh; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, bên vay đã nhận nợ bằng khế ước nhận nợ số 0382.01/2023/KUNN-OCB-CN ngày 12/12/2023. Ngoài ra, ngân hàng còn phát hành cho ông Vương Bảo T giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân số 87 ngày 14/12/2023 với hạn mức 30.000.000đồng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay theo hợp đồng thế chấp số 0382/2023/BĐ ngày 12/12/2023 giữa Ngân hàng TMCP P với ông Vương Bảo T là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu ở và tài sản gắn liền đất thuộc thửa đất số 546, tờ bản đồ số 44, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CT 050001, số vào sổ GCN:CH03137 ngày 23/3/2020 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp, đăng ký thay đổi ngày 01/12/2023, theo hợp đồng thế chấp số 0382/2023/BĐ ngày 12/12/2023, đăng ký giao dịch bảo đảm.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Vương Bảo T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân số 87 ngày 14/12/2023. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông Vương Bảo T có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 05/11/2024 là: 2.411.193.769đồng, trong đó: nợ gốc 2.295.096.661 đồng, nợ lãi và phạt là 84.554.614đồng, nợ thẻ tín dụng là 31.542.494đồng.

Trường hợp ông Vương Bảo T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ đề nghị Tòa án tuyên phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền đất thuộc thửa đất số 546, tờ bản đồ số 44, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CT 050001, số vào sổ GCN:CH03137 ngày 23/3/2020 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp, đăng ký thay đổi ngày 01/12/2023, theo hợp đồng thế chấp số 0382/2023/BĐ ngày 12/12/2023, tại Văn phòng C1, đăng ký giao dịch đảm bảo tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện H vào ngày 12/12/2023.

Bị đơn ông Vương Bảo T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Ngọc Minh T2 và ông Nguyễn Văn T1 trình bày: Ông Nguyễn Văn T1 là chủ sử dụng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền đất thuộc thửa đất số 546, tờ bản đồ số 44, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CT 050001, số vào sổ GCN:CH03137 ngày 23/3/2020 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp. Trước đây do cần tiền để giải quyết công việc gia đình nên ông T1, bà T2 có vay của ông Nguyễn Thành H1, sinh năm 1990; địa chỉ: A B, phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, số tiền 350.000.000đồng, thời hạn vay 01 năm, việc vay tiền không lập giấy tờ vay nhưng có lập hợp đồng ủy quyền tại Văn phòng C2 vào ngày 21/11/2023, nội dung ủy quyền đối với thửa đất số 546, tờ bản đồ số 44, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CT 050001, số vào sổ GCN:CH03137 ngày 23/3/2020 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp, đăng ký thay đổi ngày 01/12/2023. Tuy nhiên, hợp đồng ủy quyền chỉ có thời hạn 01 năm, đúng với thời hạn vay tiền của ông T1, bà T2. Đến tháng 8/2024, ông T1, bà T2 có liên hệ với ông H1 để thực hiện việc trả tiền để hủy hợp đồng ủy quyền nhưng ông H1 đề nghị đến tháng 10/2024 sẽ thực hiện thủ tục hủy. Đến tháng 10/2024 ông T1, bà T2 liên hệ ông H1 thì không thể liên hệ được, ông T1, bà T2 có đến nhà ông H1 nhưng không gặp được ông H1. Khoảng tháng 8/2024 Ngân hàng có đến nhà để tìm ông Vương Bảo T. Khi đến nhà đã gặp mẹ ông T1 là bà Trần Thị Hồng V xác định không ai có tên Vương Bảo T cư trú tại nhà này. Ông T1, bà T2 xác định chỉ vay của ông H1 số tiền 350.000.000đồng, đối với số tiền hơn hai tỷ đồng là số tiền quá lớn nên không đồng ý với việc ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán lại phát mãi tài sản của ông T1, bà T2. Tuy nhiên, trong vụ án này, bà T2 và ông T1 cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị Hồng V, Nguyễn Hoài V1 và Nguyễn Hồng Loan C có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa: Đại diện nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc ông Vương Bảo T có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ nợ gốc, lãi trong hạn, khoản lãi quá hạn, phí cho các hợp đồng vay đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền là: 2.611.916.919đồng, trong đó gốc là 2.324.897.229đồng và lãi là 287.019.690đồng.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nợ gốc và nợ lãi cũng như yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về khoản vay đối với ông H1 và hợp đồng ủy quyền sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác khi có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp:

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Vương Bảo T trả số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng số 0382/2023/HĐTD-OCB-CN, ngày 12/12/2023 và tiền nợ theo giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân số 87 ngày 14/12/2023. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự:

Bị đơn ông Vương Bảo T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Hồng V, Nguyễn Hoài V1 và Nguyễn Hồng Loan C có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn ông Vương Bảo T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Nội dung tranh chấp: Ngân hàng TMCP P khởi kiện yêu cầu ông Vương Bảo T có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 11/7/2025 là: 2.611.916.919đồng, trong đó: nợ gốc 2.295.096.661đồng, nợ lãi 276.042.841đồng theo hợp đồng tín dụng số 0382/2023/HĐTD-OCB-CN ngày 12/12/2023 và gốc 29.820.568đồng, nợ lãi quá hạn 10.976.849đồng, theo giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân số 87 ngày 14/12/2023 giữa ông Vương Bảo T và Ngân hàng TMCP P.

Xét, ngày 12/12/2023 giữa Ngân hàng TMCP P và ông Vương Bảo T có xác lập hợp đồng tín dụng số 0382/2023/HĐTD-OCB-CN và Ngân hàng đã giải ngân cho ông Vương Bảo T số tiền 2.350.000.000đồng theo khế ước nhận nợ số 0382.01/2023/KUNN-OCB-CN ngày 12/12/2023. Quá trình vay ông T đã thanh toán số tiền gốc là 54.923.339đồng và tiền lãi là 144.473.988 đồng. Ngoài ra, Ngân hàng còn phát hành giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân số 87 ngày 14/12/2023 cho ông Vương Bảo T với số tiền theo hạn mức là 30.000.000đồng, đối với hợp đồng này ông T đã sử dụng và còn nợ Ngân hàng

số tiền 40.797.417đồng; trong đó: tiền gốc là 29.820.568đồng và tiền lãi 10.976.849đồng. Bị đơn ông Vương Bảo T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định. Tuy nhiên, ông Vương Bảo T vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, ông Vương Bảo T đã từ bỏ quyền trình bày của mình được pháp luật bảo vệ. Căn cứ vào các tài liệu do nguyên đơn xuất trình có căn cứ xác định ông Vương Bảo T có vay của Ngân hàng bằng hợp đồng vay và đã được Ngân hàng giải ngân, đồng thời ông T đã thực hiện một phần nghĩa vụ về gốc lãi đối với 02 khoản vay trên. Từ ngày 05/11/2024 ông Vương Bảo T không thực hiện việc thanh toán gốc và lãi là vi phạm nghĩa vụ được quy định tại hợp đồng tín dụng và giấy đề nghị kiểm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân số 87 ngày 14/12/2023. Do đó, Ngân hàng có quyền yêu cầu ông Vương Bảo T thanh toán nợ trước hạn đối với số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 11/7/2025 với số tiền là: 2.611.916.919đồng, trong đó: nợ gốc 2.295.096.661đồng, nợ lãi 276.042.841đồng theo hợp đồng tín dụng số 0382/2023/HĐTD-OCB-CN ngày 12/12/2023 và gốc 29.820.568đồng, nợ lãi quá hạn 10.976.849đồng theo giấy đề nghị kiểm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân số 87 ngày 14/12/2023 là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền đất thuộc thửa đất số 546, tờ bản đồ số 44, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CT 050001, số vào sổ GCN:CH03137 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 23/3/2020, cập nhật biến động gần nhất ngày 01/12/2023. Xét, theo hợp đồng thế chấp số 0382/2023/BĐ ngày 12/12/2023 được công chứng tại Văn Phòng C1, số công chứng 005479, quyền số 12/2023TP/CC-SCC/HĐGD, tài sản thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện H ngày 12/12/2023. Hợp đồng thế chấp trên đã tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật trong quá trình ký kết, nội dung hợp đồng có thỏa thuận về tài sản thế chấp nghĩa vụ của bên thế chấp. Như vậy, hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật, việc ông Vương Bảo T vi phạm nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản để thu hồi nợ. Căn cứ khoản 1 Điều 299 và Điều 303 Bộ luật Dân sự, Tòa án chấp nhận yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp trên của nguyên đơn.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần P.

Đối với giao dịch dân sự vay tài sản và hợp đồng ủy quyền như lời trình bày của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Ngọc Minh T2 và ông Nguyễn Văn T1 sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

[5] Phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[7] Về chi phí tố tụng: Bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng theo quy định.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 299 và Điều 303, Điều 463; Điều 465; Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng;

Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP P đối với bị đơn ông Vương Bảo T về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

1.1 Về nghĩa vụ thanh toán:

Buộc ông Vương Bảo T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần P số tiền nợ tính đến ngày 11/7/2025 là: 2.611.916.919 đồng (hai tỷ sáu trăm mười một triệu chín trăm mười sáu nghìn chín trăm mười chín đồng), trong đó: nợ gốc 2.295.096.661 đồng (hai tỷ hai trăm chín mươi lăm triệu không trăm chín mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi một đồng), nợ lãi 276.042.841 đồng (hai trăm bảy mươi sáu triệu không trăm bốn mươi hai nghìn tám trăm bốn mươi một đồng) theo hợp đồng tín dụng số 0382/2023/HĐTD-OCB-CN ngày 12/12/2023 và nợ gốc 29.820.568 đồng (hai mươi chín triệu tám trăm hai mươi nghìn năm trăm sáu mươi tám đồng), nợ lãi quá hạn 10.976.849 đồng (mười triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng) theo giấy đề nghị kiểm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân số 87 ngày 14/12/2023 giữa ông Vương Bảo T và Ngân hàng TMCP P.

Buộc ông Vương Bảo T phải tiếp tục thanh toán tiền lãi và các khoản phí phát sinh kể từ ngày 12/7/2025 trên số tiền dư nợ gốc theo hợp đồng tín dụng số 0382/2023/HĐTD-OCB-CN ngày 12/12/2023 và theo giấy đề nghị kiểm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân số 87 ngày 14/12/2023 giữa ông Vương Bảo T và Ngân hàng TMCP P cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

1.2. Về phát mãi tài sản thế chấp:

Trường hợp ông Vương Bảo T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền nợ trên thì Ngân hàng TMCP P có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền đất thuộc thửa đất số 546, tờ bản đồ số 44, theo

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CT 050001, số vào sổ GCN:CH03137 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 23/3/2020, cập nhật biến động gần nhất ngày 01/12/2023 cho ông Vương Bảo T, theo hợp đồng thế chấp số 0382/2023/BĐ ngày 12/12/2023 được công chứng tại Văn Phòng C1, số công chứng 005479, quyền số 12/2023TP/CC-SCC/HĐGD, tài sản thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện H ngày 12/12/2023 để thu hồi nợ.

Trường hợp bà Lê Ngọc Minh T2, ông Nguyễn Văn T1 có tranh chấp về việc vay tài sản và hợp đồng ủy quyền bà T2, ông T1 có thể khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Vương Bảo T nộp số tiền 80.223.875 đồng (tám mươi triệu hai trăm hai mươi ba nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP P số tiền 40.111.938 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000532 ngày 26 tháng 12 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương (nay là phòng thi hành án dân sự khu vực 16 Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Về chi phí tố tụng: Ông Vương Bảo T phải nộp số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) để thanh toán lại cho Ngân hàng TMCP P.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thu T3